

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/HS-ST
Ngày: 09-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 136/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Việt A**, sinh năm 1994. Tại: B. Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh B; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Hoàng Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt ngày 05/4/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Thới Ngọc S**, sinh năm 1994. Tại: B. Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh B. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Thợ Điện; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thới Ngọc S và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt ngày 05/4/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh B (vắng mặt)

2. Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh B (vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Hoàng Viêt T, Nguyễn Thanh S. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Việt A là đối tượng nghiện ma túy từ đầu năm 2014, Thới Ngọc S là đối tượng nghiện ma túy từ tháng 11 năm 2016, cả hai là bạn, cùng ở thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

Khoảng 22 giờ ngày 04/4/2019, trong lúc Phạm Việt A và Thới Ngọc S đang ngồi nhậu tại quán Hai Hợp thuộc khu 7, phường P, thành phố T, tỉnh B thì A nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên A rủ S cùng đi mua ma túy về sử dụng chung thì S đồng ý. Sau khi nhậu xong, Thới Ngọc S mượn điện thoại của Phạm Việt A có số thuê bao 0966.797.xxx để gọi đến số thuê bao 0948.504.xxx của người nam bán ma túy (không rõ lai lịch, địa chỉ) hỏi mua ma túy với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) thì người nam đồng ý và hẹn S đến khu vực trạm thu phí Suối Giữa, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để giao ma túy. Lúc này, S điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 242.xx chở A đi đến khu vực trạm thu phí Suối Giữa. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, S chở A đến đường hẻm gần trạm thu phí Suối Giữa. Khoảng 05 phút sau, người nam điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến chỗ S và A đang đứng chờ. Ngay lúc này, Phạm Việt A đưa cho người nam số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và người nam đưa cho A 01 (một) gói nilon bên trong có chứa ma túy được đựng trong 01 (một) gói thuốc lá. Cùng lúc, A lấy gói nilon bên trong có ma túy ra và cầm trong tay phải, còn gói thuốc lá A vứt lại bên đường rồi S điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 242.xx chở A đi tìm nơi sử dụng ma túy. Đến khoảng 00 giờ 40 phút cùng ngày 05/4/2019, khi S điều khiển xe mô tô biển số 93H1 - 242.xx chở A đi đến giao lộ đường hẻm số 172 và đường hẻm số 244, thuộc tổ 8, khu 5, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì bị tổ tuần tra thuộc Câu lạc bộ phòng chống tội phạm phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một thấy có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Phạm Việt A và Thới Ngọc S có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ: 01 (một) gói nilon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) xe mô tô biển số 93H1 - 242.xx (số khung RLCUE3210HY145308, số máy E3X9E336717); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu đen bạc có sim số thuê bao 0962.979.xxx; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có sim số thuê bao 0966.797.xxx.

Ngày 05/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định trưng cầu giám định số 280, trưng cầu giám định chất tinh thể màu trắng được đựng trong 01 (một) gói nilon hàn kín đã thu giữ của Phạm Việt A và Thới Ngọc S. Ngày 05/4/2019, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương có bản kết luận giám định số 288/MT-PC09, kết luận mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,2791 gam, loại Methamphetamine.

Đối với người nam sử dụng điện thoại có số thuê bao 0948.504.540 để liên lạc bán ma túy cho Phạm Việt A và Thới Ngọc S. Quá trình điều tra, A và S khai nhận A và S không rõ nhân thân, lai lịch của người nam. Ngày 22/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một đã gửi Công văn số 310 đến Trung tâm thông tin di động Vinaphone, địa chỉ số 57, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội yêu cầu cung cấp thông tin chủ thuê bao nhưng

đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một sẽ xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với 01 (một) gói nylon hàn kín, bên trong có chứa ma túy, trọng lượng sau giám định là 0,1883 gam, loại Methamphetamine. Quá trình điều tra xác định, đây là vật chứng của vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 93H1 - 242.xx (số khung 3210HY145308, số máy E3X9E336717) do ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh B đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Quá trình điều tra xác định, ngày 01/4/2019, ông N cho ông Phạm Quốc T (ông T là em rể ông N), sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn 7, xã Đ, huyện B, tỉnh B mượn xe mô tô nói trên làm phương tiện đi làm. Đến ngày 03/4/2019, ông T cho Thới Ngọc S mượn xe mô tô để đi chơi, ông T không biết việc S sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi mua ma túy nên ngày 11/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giao trả xe mô tô nói trên cho Nguyễn Minh N. Hiện ông N không có yêu cầu gì khác.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có sim số thuê bao 0966.797.xxx đã thu giữ của Phạm Việt A. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện A và S sử dụng để liên lạc mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chuyển Chi cục thi hành án thành phố Thủ Dầu Một.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu đen bạc có sim số thuê bao 0962.979.xxx đã thu giữ của Thới Ngọc S. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của S, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chuyển Chi cục thi hành án thành phố Thủ Dầu Một.

Cáo trạng số 154/CT-VKS-HS ngày 18/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Việt A mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thới Ngọc S mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù;

Về biện pháp tư pháp: Đối với 01 (một) gói nylon chứa ma túy, trọng lượng sau giám định 0,1883gam là tang vật của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 màu vàng, số thuê bao 0966.797.xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu đen, số thuê bao 0962.979.881 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị

cáo Thới Ngọc S không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo S.

Các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng biên bản niêm phong, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 40 phút ngày 05/4/2019, Phạm Việt A và Thới Ngọc S đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,2791 gam ma túy loại Methamphetamine tại khu vực phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang nên hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hiện nay, tình hình nghiện hút chất ma túy đang diễn ra phức tạp trong mọi tầng lớp. Tệ nạn này là mối quan tâm của toàn xã hội, một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn này chưa được đẩy lùi chính là có sự tiếp tay của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo A rủ rê bị cáo S và bỏ ra 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. Khi được A rủ rê bị cáo S đồng ý, điều khiển xe chở A, chủ động gọi điện thoại liên hệ với người bán ma túy để thỏa thuận mua, bán, địa điểm giao ma túy. Các bị cáo tham gia vào vụ án với vai trò khác nhau nên để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy

định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân các bị cáo, xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là S là phù hợp; Mức hình phạt đối với bị cáo Việt A là cao nên Hội đồng xét xử xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (một) gói nylon chứa ma túy, trọng lượng sau giám định 0,1883gam là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 màu vàng, số thuê bao 0966.797.883 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là phương tiện các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu đen, số thuê bao 0962.979.881 (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động) là tài sản của bị cáo Thới Ngọc S không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Sang.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1./ Về hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Việt A 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2019.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thới Ngọc S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2019.

2/ Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói nylon chứa ma túy, trọng lượng sau giám định 0,1883gam.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 6 màu vàng, số thuê bao 0966.797.xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

- Trả lại cho bị cáo Thới Ngọc S 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu đen, số thuê bao 0962.979.xxx (không kiểm tra chi tiết, tình trạng hoạt động).

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 151.19 ngày 18/7/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

3/ Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Việt A, Thới Ngọc S mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tâm